**TIẾT 37:**

**CÂU GHÉP**

**I/ Đặc điểm của câu ghép:**

**VD:**

1. **Tôi** hát , **nó** nghe, **nó** cười, rồi **nó** khen

**C** V  **C** V **C**  V  **C** V

1 2 3 4

1. **Nó** chăm học nên **nó** đậu đại học.

**C**  V **C** V

1. 2

-> Cả 2 câu đều là câu ghép

+ Câu 1: Có 4 vế câu không bao chứa nhau.

+ Câu 2: Có 2 vế câu không bao chứa nhau (1 vế câu bằng 1 cụm C\_V)

**\*Chú ý**: Những câu sau đây có phải là câu ghép không, vì sao?

1. **Nó** đã làm cho **tôi** khóc

| | **C** V

| | |

| |

**C**  V

1. **Những chiếc xe** của anh / đã hư hết

**C** V |

**CN** VN

=> Cả 2 câu trên đều là câu trần thuật đơn. Vì nó có 2 thành phần chính CN - VN. Và cả 2 câu đều có mở rộng cụm C\_V.

=> Vậy, rút ra kết luận gì về đặc điểm của câu ghép?

=> Ghi nhớ 1: sgk/112

**II/ Cách nối các vế câu: Có 2 cách nối các vế câu:**

1. **Dùng những từ có tác dụng nối**

Cụ thể:

**a/ Nối bằng quan hệ từ:**

VD: Lan ngoan **nên** ai cũng thương.

**b/ Nối bằng cặp quan hệ từ:**

VD: **Vì** Lan chăm học **nên** bạn được mẹ yêu.

**c/ Nối bằng cặp từ hô ứng** (phó từ, đại từ, chỉ từ):

VD: -Em **càng** lớn em **càng** đẹp

-Tôi **vừa** bảo nó **đã** làm liền.

-Nó đi **đâu** tôi đi **đấy**

1. **Nối các vế câu bằng dấu phẩy hoặc dấu 2 chấm**

VD: -Nó hát, tôi nghe, tôi cười.

-Thầy vui: Học sinh nộp bài đủ.

=> Ghi nhớ 2: sgk/112

**III/ Giao nhiệm vụ học tập**

- Làm bt 1a, 2, 3 (sgk)

- Viết đoạn văn ngắn (bài tập 4)

**TIẾT 38:**

**CÂU GHÉP (TT)**

**I/ Quan hệ, ý nghĩa của các vế câu:**

1. **Quan hệ nguyên nhân:**

VD: Vì **trời** mưa/ nên **đường** ngập nước

**C** V C V

1. **Quan hệ điều kiện (giả thuyết)**

VD: Nếu **con** ngoan thì **cha** thương

**C** V **C** V

1. **Quan hệ tương phản:**

VD: **An** rất thông minh nhưng **An** lườiii

**C** V **C**  V

1. **Quan hệ tăng tiến:**

VD: **Em** càng lớn **em** càng đẹp ra

**C** V **C** V

1. **Quan hệ lựa chọn:**

VD: **Em** làm hay **tôi** làm?

**C** V **C** V

1. **Quan hệ bổ sung:**

VD: **An** học giỏi, siêng năng lại thêm **bộ não** thông minh trời cho.

C V C V

1. **Quan hệ nối tiếp:**

VD: **An** học giỏi lại còn **dáng** đẹp trai

**C** V **C** V

1. **Quan hệ đồng thời:**

VD: **Trời** mưa to đồng thời **nước sông** cao

**C** V **C** V

1. **Quan hệ giải thích:**

VD: **Thầy** vui: **Các em** nộp bài đầy đủ

**C** V **C** V

=> Ghi nhớ: sgk/132

**II/ Giao nhiệm vụ học tập:**

- Làm bài tập 1, 2 (sgk/124)

*TIẾT 39*

**DẤU NGOẶC ĐƠN, DẤU HAI CHẤM**

I.Dấu ngoặc đơn

Vd:

* Đồng chí (những người cùng chí hướng)
* Dấu ngoặc đơn dùng để giải thích
* Cầu Rạch Tra (dài 188m, làm bằng bê tông, đóng nhựa)
* Dấu ngoặc đơn dùng để thuyết minh
* Lan (lớp trưởng 8/10)
* Dấu ngoặc đơn dùng để bổ sung thêm
* Ghi nhớ (Sgk/134)

II. Dấu hai chấm

Vd:

* Thuốc lá: là chất độc hại
* Dấu hai chấm đánh dấu phần giải thích, thuyết minh cho phần trước đó.
* Tục ngữ có câu: “Ăn quả nhớ trẻ trồng cây”.
* Dấu hai chấm đánh dấu báo trước lời dấn trực tiếp với dấu ngoặc kép.

Thầy dạn các em nè:

-Các em làm bài tập đầy đủ nhé!

* Dấu hai chấm đánh dấu báo trước lời đối thoại dùng với dấu gạch ngang.
* Ghi nhớ (Sgk)

III.Giáo nhiệm vụ học tập

* Làm bài tập 1,2 Sgk
* Viết đoạn văn có dùng dấu hai chấm, dấu ngoặc đơn. Nêu công dụng của hai dấu vừa viết.

*TIẾT 40 (TÍCH HỢP)*

**TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN THUYẾT MINH.**

**PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH**

**ĐỀ VĂN THUYẾT MINH**

I.Vai trò và đặc điểm chung của văn bản thuyết minh

**1. Văn bản thuyết minh trong đời sống con người.**

Đọc các văn bản (Sgk/ 114, 115)

1. Cây dừa Bình Định
2. Tại sao lá cây có màu xanh lục?
3. Huế

Hỏi: mỗi văn bản trên được trình bày, giới thiệu, giải thích điều gì?

* Văn bản “Câu dừa Bình Định”, giới thiệu về lợi ích của cây dừa Bình Định
* Văn bản “Tại sao lá cây có màu xanh lục?”, giải thích hiện tượng lá cây có màu xanh lục
* Văn bản “Huế” giới thiệu về 1 danh lam thắng cảnh. “Huế” còn là trung tâm văn hóa, anh dũng.
* Trình bày, giải thích, giới thiệu như 3 văn bản trên là vai trò của văn bản thuyết minh.
* Vậy văn bản thuyết minh là gì?
* Ghi nhớ 1 (Sgk)
* Hãy kể thêm các văn bản khác có vai trò như vậy!

**2. Đặc điểm của văn bản thuyết minh**

- Hỏi: 3 văn bản trên khác với kiểu văn bản: tự sự, miêu tả, biểu cảm ở chỗ nào? (HS tự trả lời)

- Vậy đặc chung của văn bản thuyết minh là gì?

-Tri thức văn bản thuyết minh đòi hỏi khách quan, xác thực, hữu ích.

-Văn bản thuyết minh cần được trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẻ, hấp dẫn

=> Ghi nhớ (Sgk)

II. Phương pháp thuyết minh (6 phương pháp)

1. **Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích:**

Xem Vd (Sgk)

1. **Phương pháp liệt kê:**

Xem Vd (Sgk)

1. **Phương pháp nêu ví dụ:**

Xem Vd (Sgk)

1. **Phương pháp dùng số liệu:**

Xem Vd (Sgk)

1. **Phương pháp so sánh:**

Xem Vd (Sgk)

1. **Phương pháp phân loại, phân tích:**

Xem Vd (Sgk)

III. Cách loại văn bản thuyết minh

Đọc văn bản “Xe đạp”

Trả lời câu hỏi Sgk

* Ghi nhớ 2,3(Sgk) trang 140

IV. Giao nhiệm vụ học tập

Viết bài văn thuyết minh về 1 loài câu ăn quả mà em biết ( cây dừa, cây xoài, câu bưởi,…)